ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4952 /QĐ-SGDĐT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 15)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4254/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ các Quyết định số: 3970/QĐ-SGDĐT; 3971/QĐ-SGDĐT; 3972/QĐ-SGDĐT; 3973/QĐ-SGDĐT; 3974/QĐ-SGDĐT; 3975/QĐ-SGDĐT; 3976/QĐ-SGDĐT; 3977/QĐ-SGDĐT; 3978/QĐ-SGDĐT; 3979/QĐ-SGDĐT; 3980/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026 - 2030 cho các đơn vị: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh; Trường trung cấp Nông Lâm Nghiệp; Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương; Trường Trung cấp Mỹ Thuật - Văn hóa Bình Dương; Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa; Trường Trung Cấp Đông Sài Gòn; Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương; Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12; Trường Trung cấp nghề Nhân Đạo; Trường Trung cấp nghề Quang Trung.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 15) cho 249 đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (danh sách theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2026 (lần 15) được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II (để phối hợp);
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tấn Phát

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Chương 422 - Loại 070 - Khoản 074

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường THPT Võ Minh Đức

Mã ĐVQHNS: 1085125

Mã KBNN nơi giao dịch: Phòng Giao dịch số 17 - KBNN KV II (0143)

(Kèm theo Quyết định số 4952/QĐ-SGDĐT ngày 29/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỔ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**44.936.971.403**	**-1.146.871.000**	**43.790.100.403**
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	**44.936.971.403**	**-1.146.871.000**	**43.790.100.403**
1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**0**	**21.789.000.000**	**21.789.000.000**
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	0	14.643.000.000	14.643.000.000
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng)	0	7.146.000.000	7.146.000.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	*0*	*7.146.000.000*	*7.146.000.000*
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	*0*	*0*	*0*
2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**44.936.971.403**	**-22.935.871.000**	**22.001.100.403**
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	20.906.579.403	-16.380.479.000	4.526.100.403
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14)	22.966.392.000	-6.555.392.000	16.411.000.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	*22.966.392.000*	*-6.555.392.000*	*16.411.000.000*
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	*0*	*0*	*0*
2.3	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (nguồn 18)	1.064.000.000	0	1.064.000.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	*1.064.000.000*	*0*	*1.064.000.000*

Ghi chú:

1. Kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định là 22.882.000.000 đồng trong đó: Tính tiết kiệm 10% chi thường xuyên tạo nguồn CCTL và tính tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ dự toán đầu năm 2026 để thực hiện an sinh XH là 1.093.000.000 đồng;

Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên là: 21.789.000.000 đồng.

2. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả thu học phí) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã phân bổ	Dự toán điều chỉnh, bổ sung lần này	Tổng cộng
1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	16.380.479.000	-16.380.479.000	0
2	Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng	6.555.392.000	-6.555.392.000	0
3	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	0	0	0
4	Hỗ trợ chi phí học tập	27.000.000	0	27.000.000
5	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	150.000.000	0	150.000.000
6	Hỗ trợ giáo dục MN theo Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND	0	0	0
7	Chính sách thu hút giáo viên MN theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND	0	0	0
8	Hỗ trợ ngành giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ theo Nghị quyết 14/2018/NQ-HĐND	0	0	0
9	Chính sách đặc thù cho học sinh tại xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ theo Nghị quyết 38/2023/NQ-HĐND	0	0	0
10	Kinh phí dạy văn hóa theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP	0	0	0
11	Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí	2.950.560.000	0	2.950.560.000
12	Kinh phí chăm lo tết Bính Ngọ	204.000.000	0	204.000.000
13	Hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	20.000.000	0	20.000.000
14	Dự toán kinh phí tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	0	0	0
15	Kinh phí thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP của Chính phủ	0	0	0
16	Chế độ trường DTNT, Khiếm thi, Khuyết Tật (Tiền ăn , BHYT..)	0	0	0
17	Kinh phí làm phụ trội, thêm giờ	0	0	0

18	Kinh phí thực hiện mua sắm	497.000.000	0	497.000.000
19	Kinh phí thực hiện sửa chữa	488.605.403	0	488.605.403
20	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND và chi tinh giản biên chế (nếu có)	16.411.000.000	0	16.411.000.000
21	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.064.000.000	0	1.064.000.000
22	Kinh phí tổ chức các hoạt động sinh hoạt Hè	48.640.000	0	48.640.000
23	Kinh phí khám sức khỏe học sinh	140.295.000	0	140.295.000